TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/HS-PT
Ngày: 15-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh; Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2021/TLPT-HS ngày 22 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo N.D.K do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2021/HS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **N.D.K (N)**, sinh năm 1997 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: ấp Phú Đông x, xã AĐ, huyện MCN, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp PT, xã AĐ, huyện MCN, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.T.D và bà N.T.T.T; vợ: T.T.B.H; có 01 con sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 14/QĐ-XPHC ngày 22/6/2016 của Công an xã CS, huyện MCN xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chưa nộp phạt, đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính); tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 13/QĐ-XPHC ngày 29/8/2016 của Công an xã AĐ, huyện MCN xử phạt số tiền 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng

trái phép chất ma túy (chưa nộp phạt, đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính); bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 45 ngày 15/7/2020, tại quán NY thuộc ấp PT, xã AĐ, huyện MCN, N.D.K và N.V.C cùng uống rượu, bia tại quán ở hai bàn riêng biệt, do mâu thuẫn trong lời nói nên dẫn đến N.D.K và N.V.C đánh nhau bằng tay và vỏ chai bia làm N.V.C bị thương, N.D.K lấy dao của chủ quán định chém N.V.C nhưng được mọi người can ngăn. N.V.C đến nhà chị N.T.H.L cách quán khoảng 100m gặp chị N.T.P và chị N.T.H.L sơ cứu vết thương. Hay tin N.V.C đánh nhau, L.P.T cùng B.V.T đến nhà chị N.T.H.L đưa N.V.C về. Riêng N.D.K sau khi đánh nhau đã điện thoại cho T.V.L nói việc N.D.K bị đánh trên quán NY kêu T.V.L lên cứu và nhờ N.T.T chở về nhà dùm. Sau đó N.D.K lấy một con dao điều khiển xe mô tô 71B3-xxx.xx đến quán NY đợi nhưng không gặp T.V.L nên chạy xe xuống hướng xã CS tìm thì thấy T.V.L chạy ngược lên nên quay lại đuổi theo nhưng không kịp, trên đường chạy xe về đến xã AĐ thấy N.V.C cùng nhóm người đứng ven đường liền xông vào chém N.V.C nhiều nhát gây thương tích, do chị N.T.H.L đứng gần nên cũng bị chém trúng tay phải gây thương tích nhẹ, L.P.T vào can ngăn cũng bị N.D.K chém nhiều cái trúng tay. Lúc này T.V.L đến can ngăn, N.D.K mang dao về nhà cất giấu và rời khỏi địa phương. Ngày 16/7/2020, N.V.C và L.P.T gửi đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với N.D.K.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Bà N.T.T.T (mẹ N.D.K) giao nộp 01 con dao bằng kim loại màu trắng, cán và lưỡi dao dài 49cm, nặng 335g, lưỡi dao dài 37,7cm, rộng 4,3m, 01 bề sắc bén, mũi dao bằng (trên lưỡi dao có dính nhiều chất màu nâu đỏ nghi máu), 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI AXELO màu xanh trắng biển số 71B3-xxx.xx; 01 đầu vỏ chai bia Sài Gòn, nhiều mảnh vỡ chai bia Tiger, Sài Gòn đỏ; 01 điện thoại di động hiệu OPPOA9 2020.

+ T.V.L giao nộp 01 con dao bằng kim loại màu trắng, cán và lưỡi dao dài 50cm, nặng 235g, lưỡi dao dài 38cm, rộng 4,5cm, 01 bề sắc bén, mũi dao bằng; 01 điện thoại di động hiệu Apple loại iPhone 6 màu vàng đồng; 01 điện thoại di động hiệu Apple loại iPhone 6 màu xám; 01 xe mô tô Yamaha Exciter 150 màu đen đỏ biển số 71B2-xxx.xx; 01 áo khoác nam tay dài màu xanh, sọc xám.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 230-820/TgT ngày 31/8/2020 và tại Công văn về việc giải thích kết luận giám định số 35/PY-GĐTH ngày 19/3/2021 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Bến Tre xác định tỷ lệ thương tật đối với bị hại N.V.C như sau: Vết thương mặt trước ngoài 1/3 giữa cẳng tay phải kích thước 02cm x 01cm bờ sắt sâu tới xương, gãy một phần vỏ xương quay đã lành sẹo, kích thước 05cm x 0,1cm (tỷ lệ thương tật 02%); vết thương lòng bàn tay phải từ kẻ ngón 4, 5 đến mô cái kích thước 06cm x 03cm sâu đứt cơ mô cái, đứt bao gân gấp ngón 1 đã lành sẹo, kích thước 14cm x 0,1cm (tỷ lệ thương tật 02%); vết thương nách trái kích thước 02cm x 01cm đã lành sẹo (tỷ lệ thương tật 01%); vết thương trước ngực kích thước 01cm x 01cm đã lành sẹo, kích thước 01cm x 0,2cm (tỷ lệ thương tật 01%); vết thương chẩm trái kích thước 03cm x 01cm đã lành sẹo, kích thước 02cm x 0,3cm (tỷ lệ thương tật 01%); vết thương hông phải rách da nông kích thước 06cm x 0,5cm đã lành sẹo, kích thước 13cm x 0,5cm (tỷ lệ thương tật 01%). Tỷ lệ thương tích chung của N.V.C được xác định là 08%.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 221-820/TgT ngày 27/8/2020 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Bến Tre kết luận bị hại L.P.T như sau: Vết thương mặt ngoài sau 1/3 trên cánh tay phải kích thước 20cm x 03cm đứt cơ delta, cơ cánh tay, hiện vết thương lành sẹo, kích thước 17cm x 0,5cm; vết thương mặt ngoài cánh tay phải đoạn 1/3 giữa kích thước 03cm x 0,5cm đã lành sẹo, kích thước 05cm x 0,3cm; vết thương mặt sau 1/3 dưới cẳng tay trái kích thước 03cm x 01cm đã lành sẹo, kích thước 05cm x 0,2cm. Tỷ lệ thương tật được xác định là 05%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2021/HS-ST ngày 05/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện MCN, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo N.D.K phạm "Tội cố ý gây thương tích". Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo N.D.K 01 (một) năm tù (được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/7/2020 đến ngày 25/7/2020). Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14/4/2021, bị cáo N.D.K kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị

cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo N.D.K 01 (một) năm tù (được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/7/2020 đến ngày 25/7/2020) về "Tội cố ý gây thương tích".

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, hứa sẽ không tái phạm, yêu cầu Hội đồng xét xử giảm hình phạt để tạo điều kiện cho bị cáo nuôi con nhỏ và cha mẹ đang bị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: trên cơ sở hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: xuất phát từ nguyên cớ nhỏ nhặt trong cuộc sống, N.D.K đã sử dụng dao tự chế bằng kim loại màu trắng, cán và lưỡi dao dài 49cm, nặng 335g, chém anh N.V.C gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 08% và chém anh L.P.T gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 05%. Mặc dù tỷ lệ tổn thương cơ thể của các bị hại chưa đến 11%, nhưng bị cáo đã sử dụng hung khí nguy hiểm và thực hiện hành vi mang tính côn đồ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo N.D.K phạm "Tội cố ý gây thương tích" với các tình tiết định khung "dùng hung khí nguy hiểm" và "phạm tội có tính chất côn đồ" theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, i và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 01 năm tù là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo có cung cấp thêm bản sao giấy ra viện của bà N.T.T.T là mẹ của bị cáo, đơn thuốc của ông N.T.D là cha của bị cáo và đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình của bị cáo. Bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ

nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo gây thương tích cho nhiều người, phạm tội có tính chất côn đồ, có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng cho đến nay vẫn chưa nộp phạt, điều đó thể hiện bị cáo không chấp hành các quy định của pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở để xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo mà giữ nguyên hình phạt tù để bị cáo thi hành mới đủ sức giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng để đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Hồ sơ vụ án thể hiện, bản án gốc Hội đồng xét xử chỉ áp dụng khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có thiếu sót, đồng thời khi quyết định hình phạt chưa trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ vào hình phạt tù là chưa đúng quy định của pháp luật nên cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo N.D.K 01 (một) năm tù về "Tội cố ý gây thương tích" nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ là 09 (chín) ngày (từ ngày 16/7/2020 đến ngày 25/7/2020). Hình phạt còn lại bị cáo phải chấp hành là **11 (mười một) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bị cáo N.D.K phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện MCN (3b);
- VKSND huyện MCN (1b);
- Công an huyện MCN (1b);
- Chi cục THADS huyện MCN (1b);
- UBND xã AĐ, huyện MCN (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quang Sơn